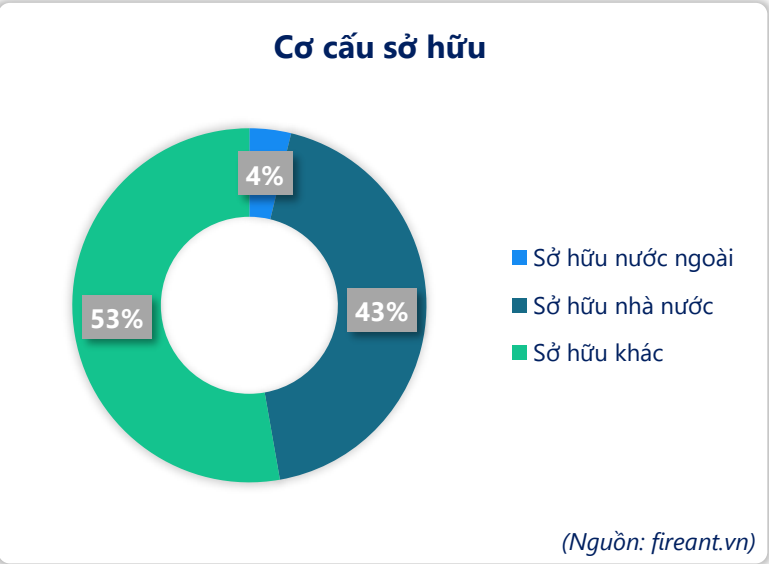
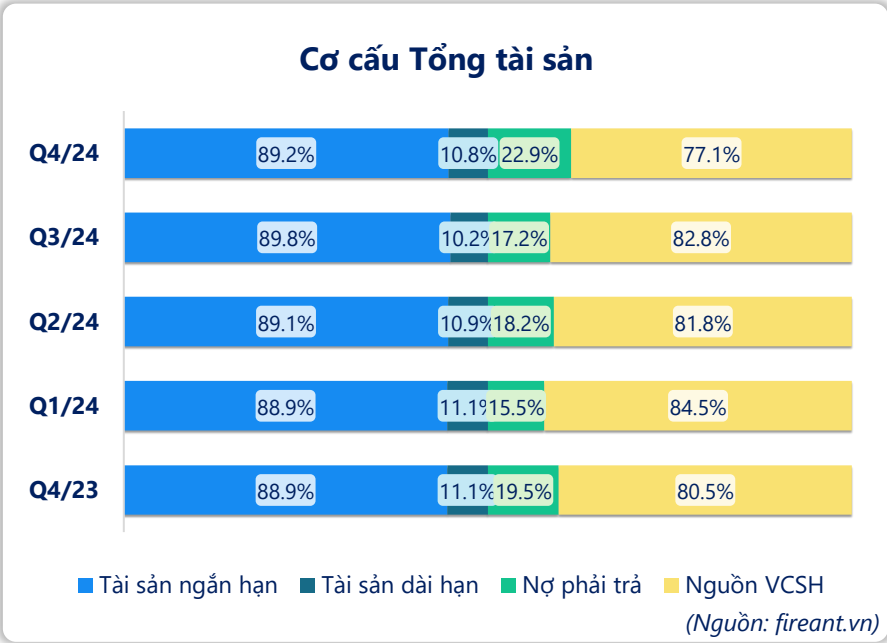
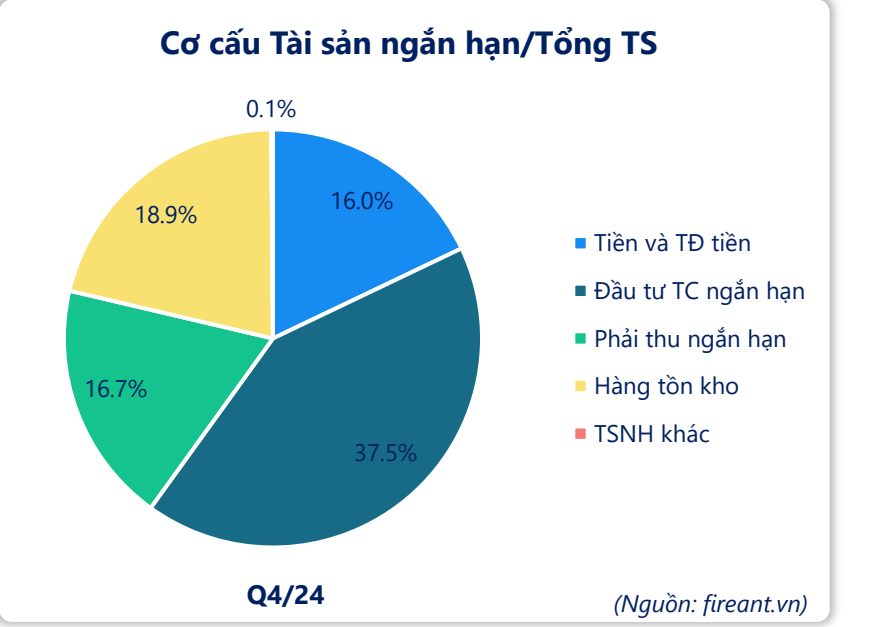
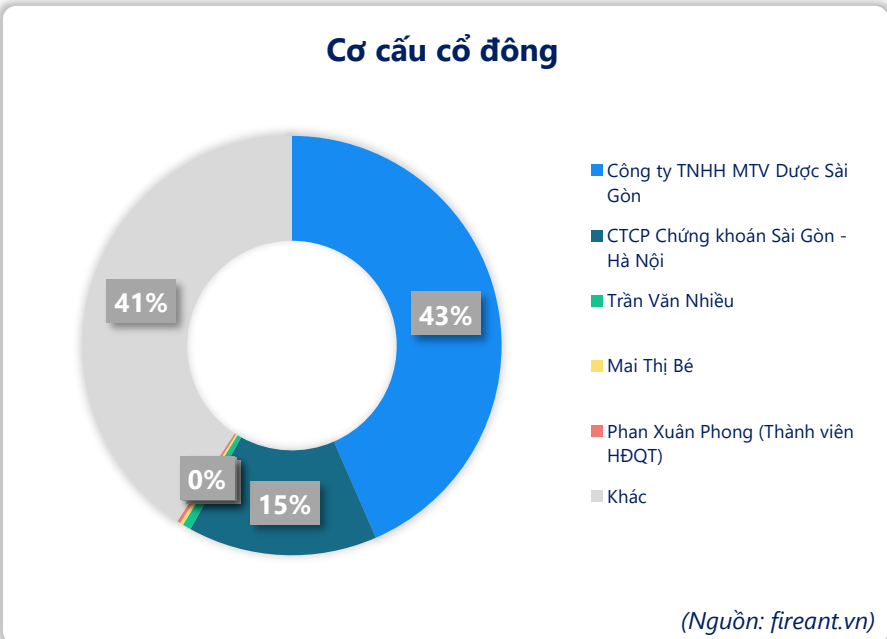
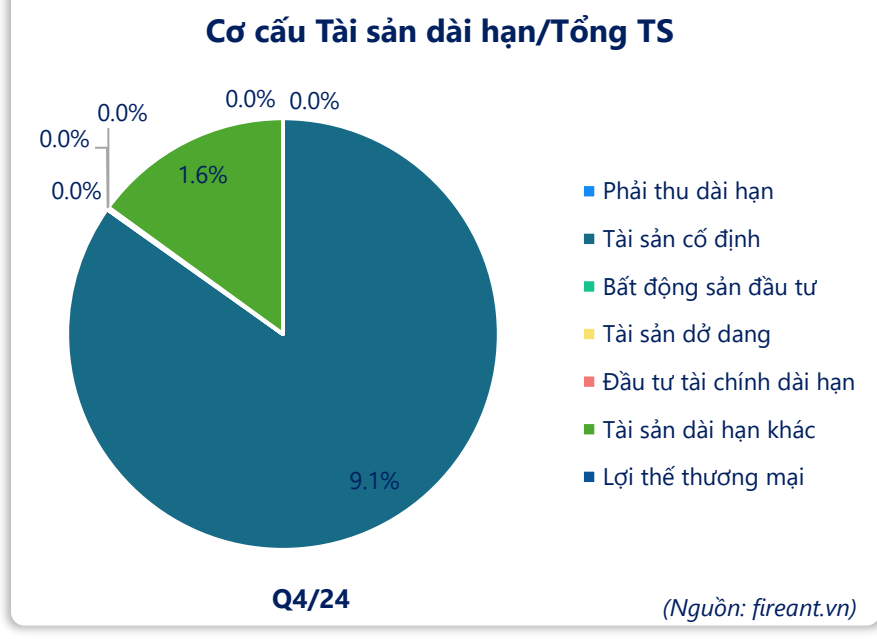
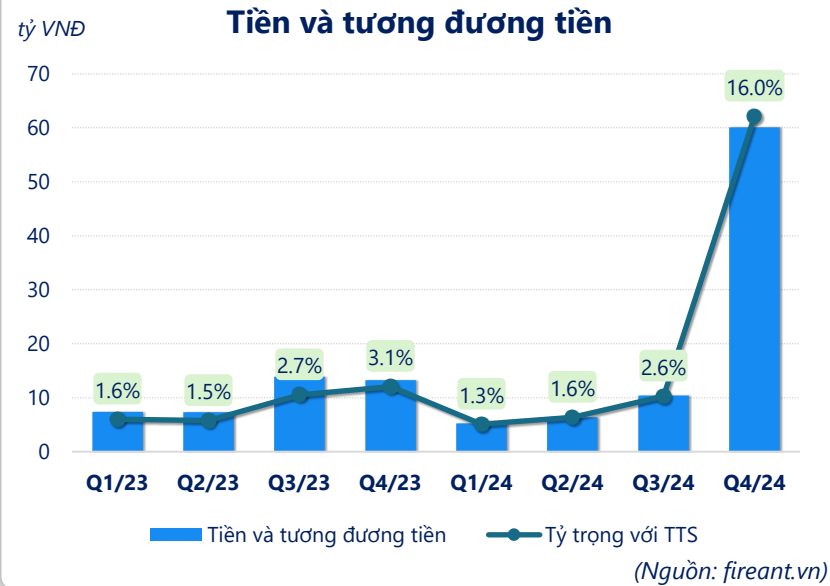
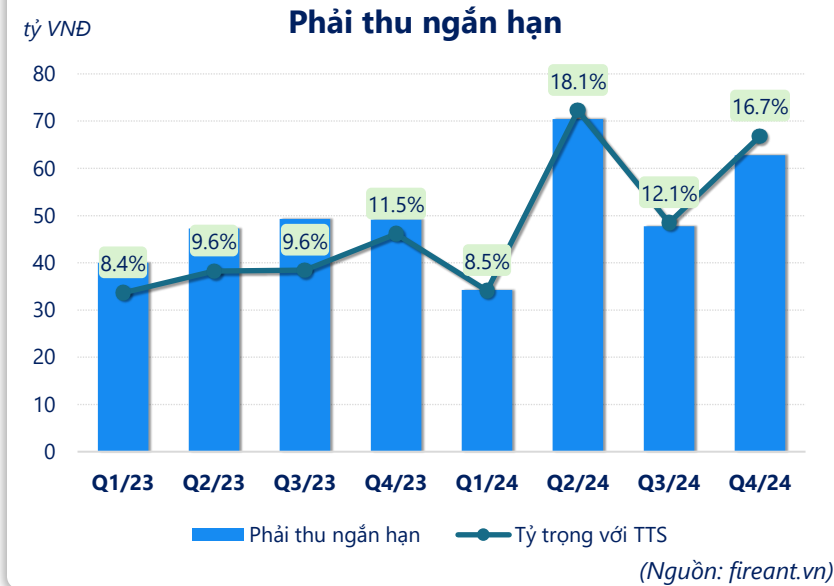
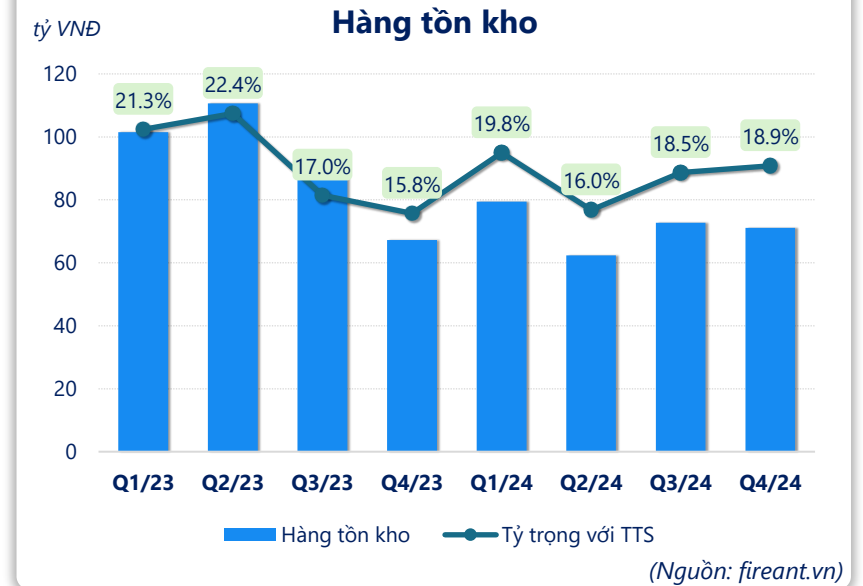
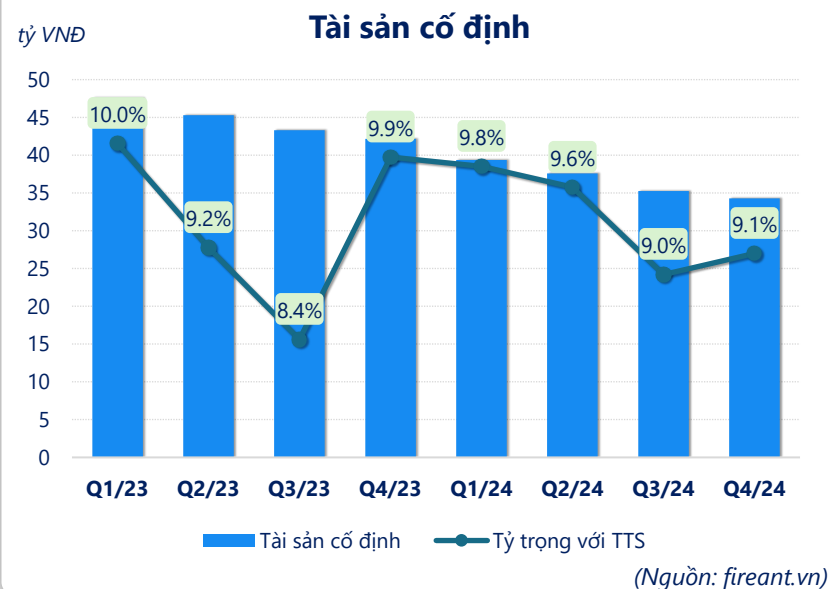
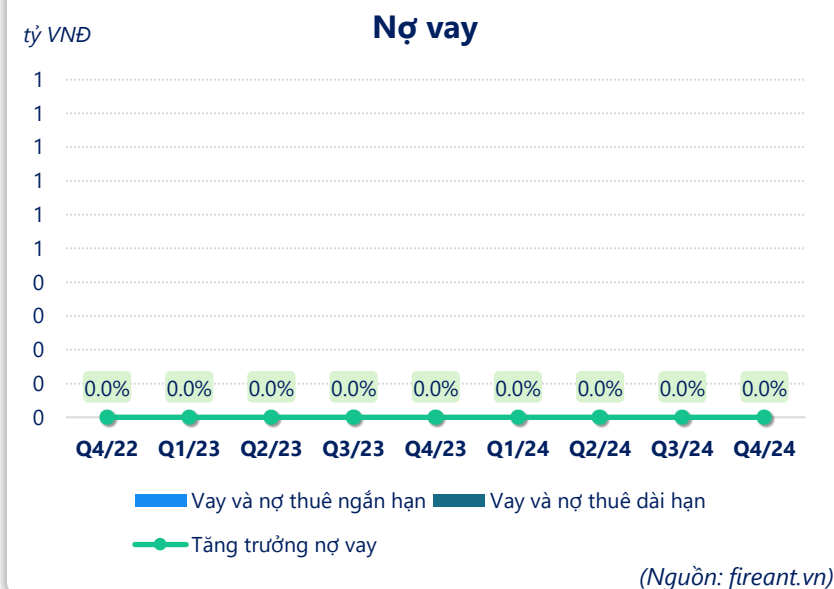
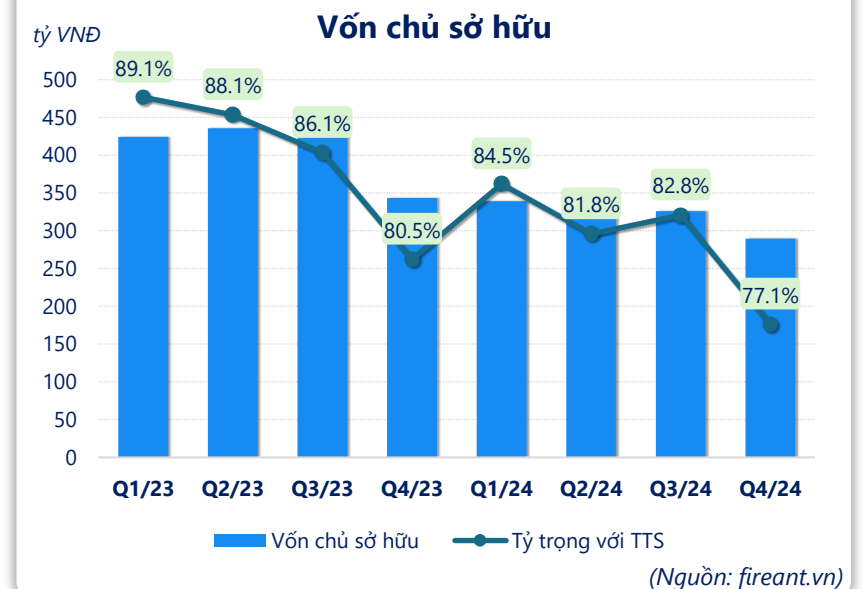
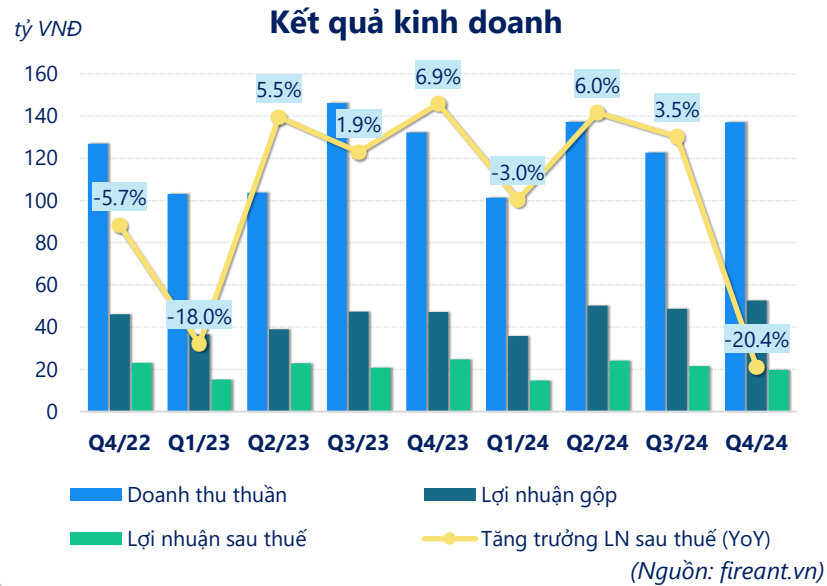
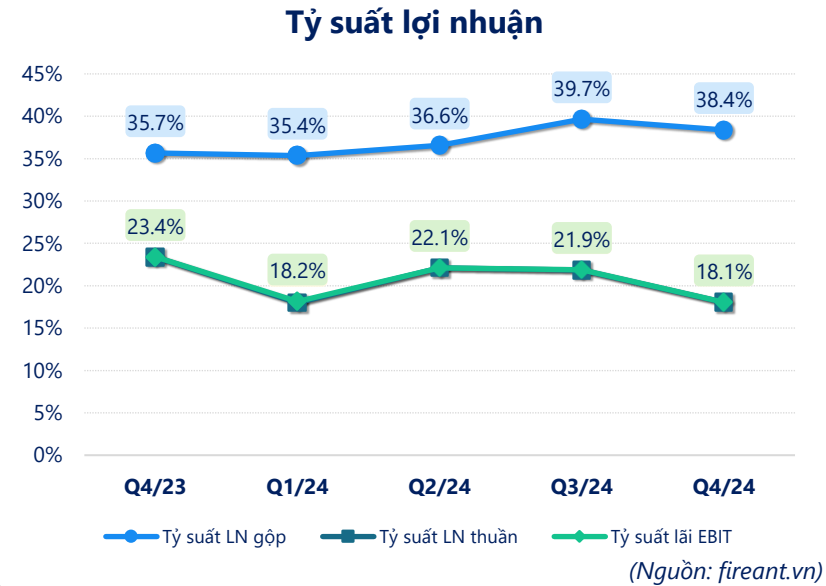
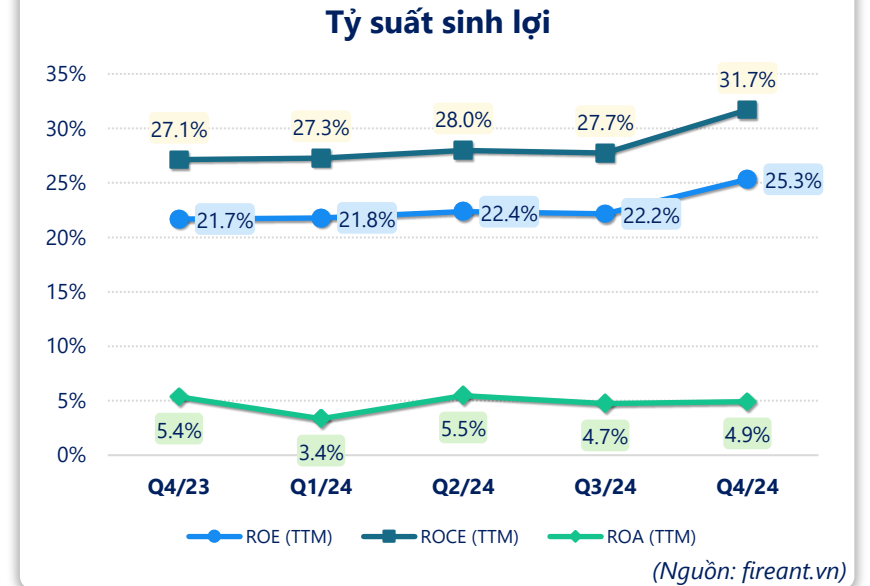
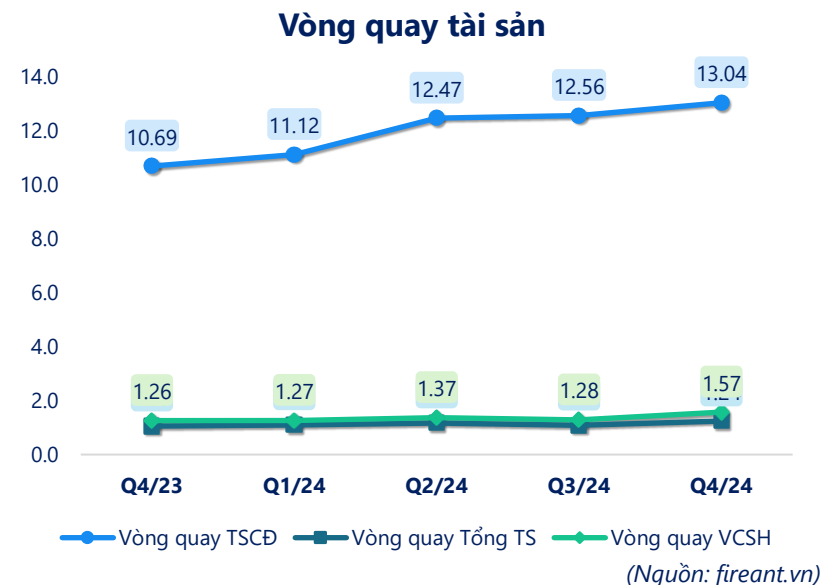
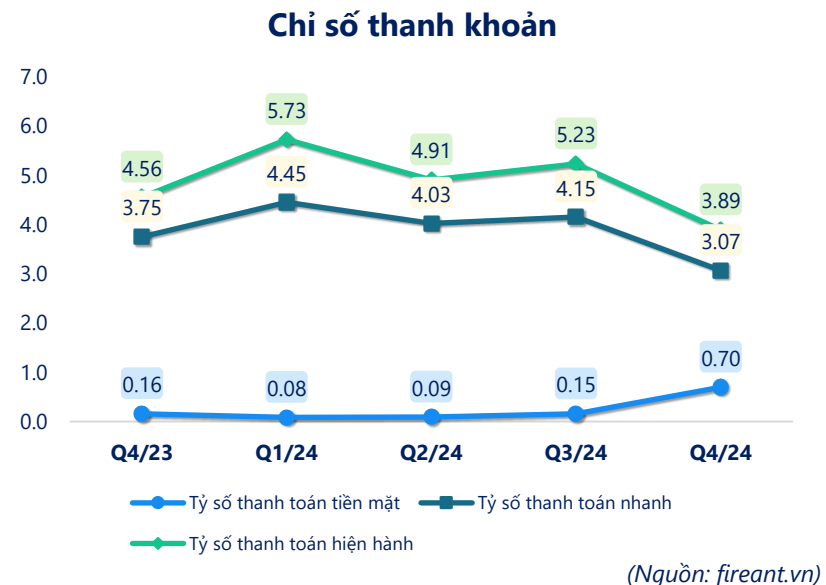
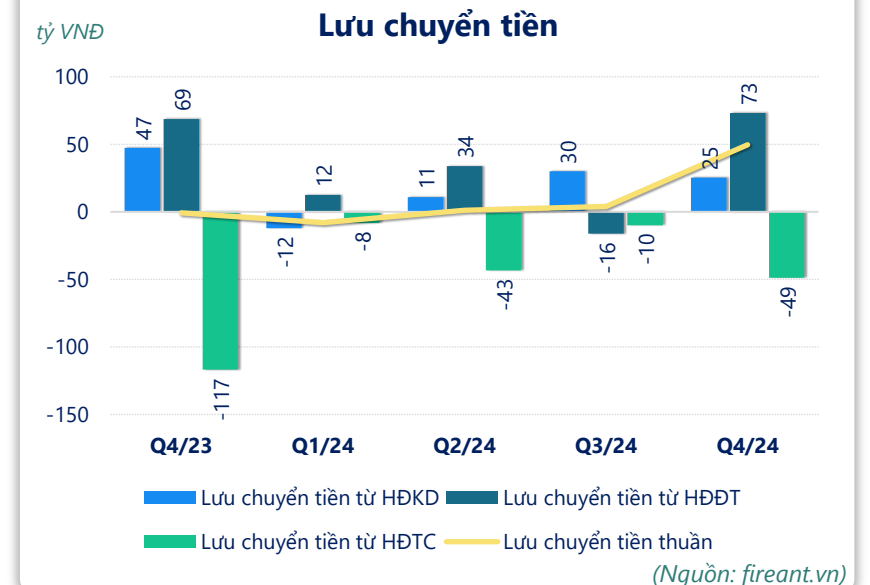


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		104,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		123,315
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		65,699
SL cổ phiếu LH		9,332,573
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,920
% sở hữu nước ngoài		3.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		971
P/E		12.1
EPS		8,586

	YTD	1T	3T	6T
PMC		-11.7%	17.0%	31.3%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	376	426	-11.9%
Tài sản ngắn hạn	335	379	-11.5%
Tiền và tương đương tiền	60.1	13.3	353%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	141	249	-43.4%
Phải thu ngắn hạn	62.8	49.1	27.8%
Hàng tồn kho	71.1	67.2	5.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.44	0.45	-3.6%
Tài sản dài hạn	40.4	47.3	-14.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	34.3	42.1	-18.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.07	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.06	5.16	17.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	86.2	83.2	3.7%
Nợ ngắn hạn	86.2	83.2	3.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	16.3	12.7	27.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	290	343	-15.6%
Vốn chủ sở hữu	290	343	-15.6%
Vốn điều lệ	93.3	93.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	132	101	137	123	137
Giá vốn hàng bán	85.1	65.4	87.0	74.1	84.5
Lợi nhuận gộp	47.1	35.8	50.1	48.7	52.6
Doanh thu HĐTC	8.14	1.14	3.68	0.86	3.87
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	12.3	9.89	11.3	10.5	15.4
Chi phí QLDN	12.1	8.83	12.2	12.2	16.3
LN thuần từ HĐKD	30.9	18.2	30.3	26.8	24.7
Lợi nhuận khác	0.03	0.17	0.02	0.04	0.04
LN trước thuế	31.0	18.4	30.3	26.9	24.7
Lợi nhuận sau thuế	24.7	14.7	24.2	21.5	19.8
LNST của CĐ cty mẹ	24.7	14.7	24.2	21.5	19.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	47.4	-12.1	10.8	30.0	25.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	68.8	12.4	33.8	-16.1	73.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-117	-8.28	-43.5	-9.85	-48.9
Tiền đầu kỳ	13.9	13.3	5.26	6.38	10.4
Lưu chuyển tiền thuần	-0.66	-7.99	1.12	4.03	49.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	13.3	5.26	6.38	10.4	60.1

(Nguồn: fireant.vn)